BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: H4.1_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1101010760	Nguyễn Ngọc	An	05/11/2005	TC11A	01					
2	000002	1101010762	Nông Quốc	An	14/02/2005	TC11A	01					
3	000003	1101010765	Lương Ngọc	Anh	28/05/2005	TC11A	01					
4	000004	1101010774	Phạm Hoàng Phương	Anh	28/11/2004	TC11A	01					
5	000005	1101010778	Dương Ngọc	Ánh	02/09/2005	TC11A	01					
6	000006	1101011263	Nguyễn Việt	Cường	13/09/2005	TC11A	01					
7	000007	1101011391	Trần Hải	Đăng	13/03/2005	TC11A	01					
8	000008	1101010788	Nguyễn Tiến	Đạt	29/05/2005	TC11A	01					
9	000009	1101011265	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	08/05/2005	TC11A	01					
10	000010	1101010795	Nguyễn Việt	Dũng	16/01/2005	TC11A	01					
11	000011	1101010520	Trần Minh	Dũng	26/07/2005	TC11A	01					
12	000012	1101010798	Nguyễn Thảo	Dương	01/01/2005	TC11A	01					
13	000013	1101010799	Phạm Bình	Dương	03/07/2005	TC11A	01					
14	000014	1101010800	Tạ Minh	Dương	03/08/2005	TC11A	01					ĐK
15	000015	1101010801	Vũ Thùy	Dương	26/08/2005	TC11A	01					
16	000016	1101010802	Đặng Khánh	Duy	18/01/2005	TC11A	01					
17	000017	1101010803	Nguyễn Phương	Duy	05/12/2005	TC11A	01					
18	000018	1101010806	Trần Thị Vân	Giang	30/04/2005	TC11A	01					
19	000019	1101010808	Lê Ngân	Hà	22/11/2005	TC11A	01					
20	000020	1101010811	Đỗ Thị Thúy	Hằng	12/01/2005	TC11A	01					
21	000021	1101010812	Nguyễn Thu	Hằng	10/10/2005	TC11A	01					
22	000022	1101010816	Phạm Thị	Hiền	07/01/2005	TC11A	01					
23	000023	1101010817	Dư Quang	Hiệp	29/10/2005	TC11A	01					
24	000024	1101011276	Đỗ Thanh	Hoa	18/12/2005	TC11A	01					
25	000025	1101010821	Bùi Việt	Hoàng	29/11/2005	TC11A	01					
26	000026	1101010822	Nguyễn Huy	Hoàng	30/10/2005	TC11A	01					
27	000027	1101010827	Nguyễn Thị Hoàng	Hương	06/01/2005	TC11A	01					
28	000028	1101010828	Phùng Thị Thu	Hương	13/12/2005	TC11A	01					
29	000029	1101010830	Nguyễn Quang	Huy	14/08/2005	TC11A	01					
30	000030	1101010831	Bùi Khánh	Huyền	21/10/2005	TC11A	01					
31	000031	1101010834	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	29/08/2005	TC11A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 2
Giảng đường: H4.2_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000032	1101010835	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	14/01/2005	TC11A	01					
2	000033	1101010837	Phạm Trung	Khải	10/07/2005	TC11A	01					
3	000034	1101011733	Khương Minh	Đức	11/09/2004	TC11A	02					
4	000035	1101011445	Ngô Hoàng	Lan	12/06/2005	TC11A	02					
5	000036	1101010846	Đỗ Thị Hoàng	Linh	29/04/2005	TC11A	02					
6	000037	1101011382	Nguyễn Khánh	Linh	17/02/2005	TC11A	02					
7	000038	1101011332	Toàn Hoàng Bảo	Linh	27/08/2005	TC11A	02					
8	000039	1101010853	Lê Tuấn	Long	13/11/2005	TC11A	02					
9	000040	1101010174	Đỗ Phương	Ly	03/01/2005	TC11A	02					
10	000041	1101011288	Trần Khánh	Ly	15/11/2005	TC11A	02					
11	000042	1101010180	Chu Thị Hoàng	Mai	01/11/2005	TC11A	02					
12	000043	1101030632	Chu Hải	Nam	31/05/2005	TC11A	02					
13	000044	1101010864	Đỗ Hằng	Nga	03/11/2005	TC11A	02					
14	000045	1101011293	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	17/07/2005	TC11A	02					
15	000046	1101010876	Nguyễn Yến	Nhi	23/03/2005	TC11A	02					
16	000047	1101010879	Hà Thị Hồng	Nhung	05/05/2005	TC11A	02					
17	000048	1101010237	Nguyễn Nam	Phương	26/01/2005	TC11A	02					
18	000049	1101010887	Nguyễn Xuân	Quang	31/01/2005	TC11A	02					
19	000050	1101011304	Đặng Thị Phương	Thảo	17/08/2005	TC11A	02					
20	000051	1101010899	Nguyễn Thị Anh	Thơ	01/08/2005	TC11A	02					
21	000052	1101010900	Đỗ Minh	Thu	13/09/2005	TC11A	02					
22	000053	1101011305	Nguyễn Thanh	Thu	27/01/2005	TC11A	02					
23	000054	1101010280	Đỗ Hoài	Thương	29/03/2005	TC11A	02					
24	000055	1101011310	Đinh Quốc	Toản	25/06/1997	TC11A	02					HP
25	000056	1101010903	Lương Quỳnh	Trang	09/11/2005	TC11A	02					
26	000057	1101011314	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	20/01/2005	TC11A	02					
27	000058	1101021056	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/01/2005	TC11A	02					HP
28	000059	1101011315	Phạm Thị	Trang	29/01/2004	TC11A	02					
29	000060	1101010904	Phan Thị Huyền	Trang	10/10/2005	TC11A	02					
30	000061	1101011250	Hoàng Quốc	Tuấn	06/11/2005	TC11A	02					
31	000062	1101011377	Đỗ Thế	Tùng	09/10/2005	TC11A	02					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 3
Giảng đường: H4.3_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000063	1101010911	Đỗ Tường	Vy	07/08/2005	TC11A	02					
2	000064	1101010912	Nguyễn Kim	Xuân	21/03/2005	TC11A	02					HP,ĐK
3	000065	1101010329	Trần Thị Chiều	Xuân	07/05/2005	TC11A	02					
4	000066	1101011370	Đinh Thị Hải	Yến	09/03/2004	TC11A	02					
5	000067	1101011259	Đinh Thị Ngọc	Anh	30/06/2005	NH11A	03					
6	000068	1101010766	Lưu Quỳnh	Anh	19/05/2005	NH11A	03					
7	000069	1101010769	Nguyễn Thị Hải	Anh	01/09/2005	NH11A	03					
8	000070	1101010478	Nguyễn Thị Mai	Anh	27/12/2005	NH11A	03					
9	000071	1101011261	Nguyễn Việt	Anh	09/11/2005	NH11A	03					
10	000072	1101010773	Nguyễn Vũ Hồng	Anh	28/03/2005	NH11A	03					ĐK
11	000073	1101011386	Bùi Gia	Bảo	14/06/2005	NH11A	03					
12	000074	1101010784	Phan Kim	Chi	30/06/2005	NH11A	03					HP
13	000075	1101010785	Bùi Thị Kiều	Chinh	27/07/2005	NH11A	03					
14	000076	1101010786	Cao Mạnh	Cường	07/09/2005	NH11A	03					
15	000077	1101011372	Đinh Trọng	Đạo	03/05/2005	NH11A	03					
16	000078	1101010512	Phạm Thành	Đạt	28/03/2005	NH11A	03					
17	000079	1101010796	Bùi Thái	Dương	05/12/2005	NH11A	03					
18	000080	1101010797	Nguyễn Quang	Dương	17/09/2005	NH11A	03					
19	000081	1101011268	Nguyễn Văn	Dương	05/09/2003	NH11A	03					
20	000082	1101011269	Nguyễn Thu	Giang	29/09/2005	NH11A	03					
21	000083	1101010807	Trương Hương	Giang	10/11/2005	NH11A	03					
22	000084	1001010781	Trần Huy	Hải	14/07/2004	NH11A	03					
23	000085	1101010819	Nguyễn Thu	Hòa	29/04/2005	NH11A	03					
24	000086	1101010823	Đỗ Văn	Hồng	25/01/2005	NH11A	03					
25	000087	1101011444	Hoàng Ánh	Hồng	26/11/2005	NH11A	03					
26	000088	1101011277	Đoàn Đức	Hùng	09/08/2005	NH11A	03					
27	000089	1101010110	Nguyễn Việt	Hùng	26/08/2005	NH11A	03					
28	000090	1101011279	Nguyễn Khải	Hưng	07/10/2005	NH11A	03					
29	000091	1101010836	Trần Thanh	Huyền	14/12/2005	NH11A	03					
30	000092	1101010128	Nguyễn Trọng	Khang	26/03/2005	NH11A	03					
31	000093	1101011282	Dương Quốc	Khánh	19/08/2003	NH11A	03					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 4
Giảng đường: H4.4_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000094	1101011404	Nguyễn Nam	Khánh	08/12/2005	NH11A	03					
2	000095	1101010841	Vũ Duy	Kiên	01/09/2005	NH11A	03					
3	000096	1101011284	Hoàng Thị	Lam	21/02/2005	NH11A	03					
4	000097	1101010844	Bùi Khánh	Linh	06/10/2005	NH11A	03					
5	000098	0901030111	Hoàng Minh	Trí	28/12/2003	NH11A	03					
6	000099	1101010845	Đặng Thị Nhật	Linh	01/10/2005	NH11A	04					
7	000100	1101011285	Đào Thị Thùy	Linh	07/11/2005	NH11A	04					
8	000101	1101010848	Kiều Khánh	Linh	08/10/2005	NH11A	04					
9	000102	1101010849	Lê Hoài	Linh	15/09/2005	NH11A	04					
10	000103	1101011380	Nguyễn Khánh	Linh	15/08/2005	NH11A	04					
11	000104	1101010852	Vũ Thị Ngọc	Linh	25/06/2005	NH11A	04					
12	000105	1101011383	Nguyễn Thị	Mai	16/11/2004	NH11A	04					
13	000106	1101010859	Nguyễn Công	Minh	25/10/2005	NH11A	04					
14	000107	1101010860	Phạm Quang	Minh	26/08/2005	NH11A	04					
15	000108	1101010861	Vũ Đức	Minh	03/11/2005	NH11A	04					
16	000109	1101011416	Nguyễn Trà	My	07/04/2005	NH11A	04					
17	000110	1101010870	Trần Bích	Ngọc	22/03/2005	NH11A	04					
18	000111	1101010874	Nguyễn Trần Thống	Nhất	19/01/2005	NH11A	04					
19	000112	1101010875	Hoàng Thị Yến	Nhi	04/11/2005	NH11A	04					
20	000113	1101010877	Lê Quỳnh	Như	12/06/2005	NH11A	04					
21	000114	1101010880	Vương Thị Hồng	Nhung	01/06/2005	NH11A	04					
22	000115	0901010189	Nguyễn Hoàng	Phúc	02/08/2003	NH11A	04					
23	000116	1101011399	Phạm Thùy	Phương	27/08/2005	NH11A	04					HP
24	000117	1101010885	Nguyễn Minh	Quân	23/03/2005	NH11A	04					
25	000118	1101011432	Nguyễn Tiến	Quang	11/10/2005	NH11A	04					
26	000119	1101010888	Tạ Trường	Quang	09/11/2005	NH11A	04					
27	000120	1101011301	Nguyễn Phương	Quỳnh	19/08/2005	NH11A	04					
28	000121	1101010890	Trần Ngọc	Quỳnh	05/03/2005	NH11A	04					
29	000122	1101010896	Nguyễn Hiền	Thảo	02/01/2005	NH11A	04					
30	000123	1101010897	Nguyễn Đức	Thiện	25/02/2005	NH11A	04					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 5
Giảng đường: H3.1_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000124	1101010713	Nguyễn Khánh	Toàn	25/12/2005	NH11A	04					
2	000125	1101010905	Trần Thị Thùy	Trang	25/06/2000	NH11A	04					ĐK
3	000126	1101011422	Nguyễn Thị Thúy	Vân	30/04/2005	NH11A	04					
4	000127	0901010289	Nguyễn Quang	Vũ	17/05/2003	NH11A	04					ĐK
5	000128	1101010910	Lương Ngọc	Vượng	08/09/2005	NH11A	04					
6	000129	1101011326	Trần Thị Hải	Yến	29/11/2003	NH11A	04					HP
7	000130	1001030496	Nguyễn Đức	Biên	27/09/2004	QT10B	04					
8	000131	1101031146	Trịnh Hương	An	08/04/2005	QT11A	05					
9	000132	1101031429	Lê Hải	Anh	17/08/2005	QT11A	05					
10	000133	1101030469	Lê Quang	Anh	23/10/2005	QT11A	05					
11	000134	1101030483	Phạm Thị Nguyệt	Anh	13/02/2005	QT11A	05					
12	000135	1101030495	Ngô Thị Nguyệt	Ánh	05/11/2005	QT11A	05					
13	000136	1101030500	Nguyễn Đức Tùng	Bách	02/12/2005	QT11A	05					
14	000137	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	05					
15	000138	1101031168	Nguyễn Thắng	Đồng	23/08/2005	QT11A	05					
16	000139	1101030517	Trần Huy	Đức	10/09/2005	QT11A	05					
17	000140	1101030519	Nguyễn Anh	Dũng	20/12/2005	QT11A	05					
18	000141	1101031400	Lê Thế	Dương	18/12/2005	QT11A	05					HP
19	000142	1101030525	Đào Quang	Duy	19/02/2005	QT11A	05					
20	000143	1101030530	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	24/03/2005	QT11A	05					
21	000144	1101031412	Nguyễn Nam	Giang	04/03/2005	QT11A	05					
22	000145	1101030538	Đặng Hoàng	Hải	09/05/2005	QT11A	05					
23	000146	1101031359	Lê Thị Diễm	Hằng	17/11/2005	QT11A	05					
24	000147	1101030543	Nguyễn Thị	Hảo	24/03/2005	QT11A	05					
25	000148	1101030548	Nguyễn Tuấn	Hiệp	15/11/2005	QT11A	05					
26	000149	1101030437	Lê Kim	Huệ	06/09/2005	QT11A	05					
27	000150	1101030559	Phạm Thị	Huệ	12/10/2005	QT11A	05					
28	000151	1101030561	Phùng Tuấn	Hùng	13/09/2005	QT11A	05					
29	000152	1101031731	Đỗ Thu	Hương	07/08/2005	QT11A	05					
30	000153	1101031196	Khổng Thị Lan	Hương	09/04/2005	QT11A	05					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 6
Giảng đường: H3.2_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000154	1101030829	Lương Gia	Huy	24/09/2005	QT11A	05					
2	000155	1101031198	Đỗ Chu Khánh	Huyền	15/01/2005	QT11A	05					
3	000156	1101030399	Nguyễn Thị	Huyền	28/06/2005	QT11A	05					
4	000157	1101030580	Nguyễn Quốc	Khánh	01/09/2005	QT11A	05					HP
5	000158	1101030581	Đỗ Trung	Kiên	28/04/2005	QT11A	06					
6	000159	1101030588	Phan Thị	Liễu	31/12/2004	QT11A	06					
7	000160	1101030603	Nguyễn Thùy	Linh	23/03/2005	QT11A	06					
8	000161	1101031371	Phạm Thị Hồng	Lĩnh	11/12/2005	QT11A	06					
9	000162	1101030608	Đào Văn	Lộc	19/11/2005	QT11A	06					ĐK
10	000163	1101030616	Trần Thị Hương	Ly	26/01/2005	QT11A	06					
11	000164	1101031215	Đinh Thế	Minh	04/12/2005	QT11A	06					
12	000165	1101030627	Phạm Hồng	Minh	04/12/2005	QT11A	06					
13	000166	1101030628	Trịnh Công	Minh	09/11/2005	QT11A	06					
14	000167	1101030638	Nguyễn Thúy	Nga	14/07/2005	QT11A	06					
15	000168	1101030643	Nguyễn Thị Bích	Ngân	25/09/2005	QT11A	06					
16	000169	1101031732	Nguyễn Thanh	Ngoan	01/04/2005	QT11A	06					
17	000170	1101031394	Lê Văn	Ngọc	11/06/2005	QT11A	06					HP,ĐK
18	000171	1101030660	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/05/2005	QT11A	06					
19	000172	1101030665	Nguyễn Đình	Phi	08/09/2005	QT11A	06					
20	000173	1101031222	Bùi Thu	Phương	23/09/2005	QT11A	06					
21	000174	1101030671	Nguyễn Thu	Phương	28/03/2005	QT11A	06					HP
22	000175	1101030681	Vũ Nguyễn Đình	Quang	15/04/2005	QT11A	06					
23	000176	1101031420	Lê Thị Diễm	Quỳnh	26/08/2005	QT11A	06					
24	000177	1101031366	Lưu Danh	Thái	14/02/2005	QT11A	06					
25	000178	1101031229	Nguyễn Thị	Thảo	05/05/2005	QT11A	06					
26	000179	1101030420	Vũ Minh	Thu	02/11/2005	QT11A	06					
27	000180	1101030731	Phạm Xuân	Trung	26/08/2005	QT11A	06					
28	000181	1101031252	Nguyễn Thị Hà	Uyên	08/11/2005	QT11A	06					
29	000182	1101030743	Nguyễn Thị Hồng	Vân	13/08/2005	QT11A	06					
30	000183	1101030752	Nguyễn Ý	Vy	02/10/2005	QT11A	06					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 7
Giảng đường: H3.3_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000184	1101030466	Bùi Thị Ngọc	Anh	30/11/2005	QT11B	07					
2	000185	1101031456	Chu Phương	Anh	28/01/2003	QT11B	07					HP
3	000186	1101030489	Trần Hoàng	Anh	05/08/2001	QT11B	07					
4	000187	1101030491	Vũ Duy	Anh	07/02/2003	QT11B	07					
5	000188	1101030496	Nguyễn Ngọc	Ánh	24/12/2005	QT11B	07					
6	000189	1101030502	Phạm Ngọc	Biên	30/03/2005	QT11B	07					
7	000190	1101031161	Khuất Duy	Cường	01/01/2005	QT11B	07					HP
8	000191	1101031165	Lê Thành	Đạt	26/02/2004	QT11B	07					
9	000192	1101031373	Dương Thị Huyền	Diệu	05/07/2005	QT11B	07					HP,ĐK
10	000193	1101030526	Nguyễn Đức	Duy	09/07/2005	QT11B	07					
11	000194	1101030529	Trần Văn	Duy	23/10/2003	QT11B	07					
12	000195	1101030805	Nguyễn Ngọc	Giang	30/09/2005	QT11B	07					
13	000196	1101030947	Giang Thị	Hà	25/12/2005	QT11B	07					
14	000197	1101030539	Nguyễn Duy	Hải	02/09/2005	QT11B	07					
15	000198	1101030542	Nguyễn Thị Thu	Hằng	14/02/2005	QT11B	07					
16	000199	1101031186	Vũ Thị Thu	Hiền	23/02/2005	QT11B	07					ĐK
17	000200	1101031189	Đoàn Trung	Hiếu	02/12/2005	QT11B	07					
18	000201	1101030558	Phạm Minh	Huệ	10/04/2005	QT11B	07					
19	000202	1101030560	Mẫn Đức Mạnh	Hùng	01/08/2005	QT11B	07					
20	000203	1101030563	Hoàng Tuấn	Hưng	28/08/2005	QT11B	07					
21	000204	1101030564	Lê Mai	Hương	11/08/2005	QT11B	07					
22	000205	1101031360	Phạm Tuấn	Huy	03/07/2002	QT11B	07					
23	000206	1101030441	Lưu Thị Thu	Huyền	26/11/2005	QT11B	07					
24	000207	1101030131	Đỗ Thị	Khuyên	28/06/2005	QT11B	07					
25	000208	1101031385	Hoàng Thị Mai	Lan	17/11/2005	QT11B	07					
26	000209	1001031250	Nguyễn Thị	Lan	20/07/2004	QT11B	07					
27	000210	1101030589	Bùi Lê Phương	Linh	23/09/2004	QT11B	07					
28	000211	1101030595	Lê Quyền	Linh	21/07/2005	QT11B	07					
29	000212	1101030598	Nguyễn Khánh	Linh	03/08/2005	QT11B	07					
30	000213	1101030599	Nguyễn Khánh	Linh	13/12/2005	QT11B	07					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 8
Giảng đường: H3.4_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000214	1101030606	Vũ Phương	Linh	31/12/2005	QT11B	07					
2	000215	1101030609	Ngô Gia	Lợi	23/10/2005	QT11B	07					
3	000216	1101030614	Phạm Khánh	Ly	16/10/2005	QT11B	08					
4	000217	1101030617	Vũ Khánh	Ly	06/12/2005	QT11B	08					
5	000218	1101030620	Đỗ Ngọc	Mai	06/06/2005	QT11B	08					
6	000219	1101030626	Hồ Văn Nhật	Minh	29/03/2005	QT11B	08					
7	000220	1101031365	Thạch Thị Ngọc	Minh	27/03/2004	QT11B	08					
8	000221	1101030629	Lường Thị	Mừng	18/01/2004	QT11B	08					
9	000222	1101030634	Vũ Thành	Nam	11/11/2005	QT11B	08					
10	000223	1101030642	Nguyễn Kim	Ngân	03/08/2005	QT11B	08					
11	000224	1101031007	Nguyễn Thúy	Ngần	13/03/2005	QT11B	08					
12	000225	1101030651	Giáp Thị Thảo	Nguyên	16/07/2005	QT11B	08					
13	000226	1101030872	Lê Thu Ánh	Nguyệt	19/08/2005	QT11B	08					
14	000227	1101031219	Đỗ Thị Quỳnh	Như	17/02/2005	QT11B	08					
15	000228	1101030666	Nguyễn Xuân	Phong	18/04/2005	QT11B	08					
16	000229	1101031224	Kiều Anh	Quân	04/08/2005	QT11B	08					
17	000230	1101030886	Phùng Minh	Quân	19/08/2005	QT11B	08					
18	000231	1101030684	Trương Như	Quỳnh	02/07/2005	QT11B	08					
19	000232	1101030701	Ngô Thanh	Thảo	07/12/2005	QT11B	08					
20	000233	1101030709	Trần Hoài	Thương	04/11/2005	QT11B	08					
21	000234	1101031421	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	06/03/2005	QT11B	08					
22	000235	1101031389	Đỗ Thị Huyền	Trang	06/12/2005	QT11B	08					
23	000236	1101030721	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	18/06/2005	QT11B	08					
24	000237	1101030728	Nguyễn Kiều	Trinh	03/10/2005	QT11B	08					
25	000238	1101030739	Nguyễn Thị Hải	Uyên	12/05/2005	QT11B	08					
26	000239	1101030741	Thẩm Thị Tố	Uyên	30/09/2005	QT11B	08					
27	000240	1101031254	Vũ Hồng	Vân	10/11/2005	QT11B	08					
28	000241	1101030750	Ngô Đăng	Vũ	07/08/2005	QT11B	08					
29	000242	1101031255	Nguyễn Hà	Vy	16/05/2005	QT11B	08					
30	000243	1101030755	Chử Thị	Yến	11/06/2005	QT11B	08					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 9
Giảng đường: H2.2_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000244	1101031368	Nguyễn Bảo	Yến	09/10/2005	QT11B	08					
2	000245	0901030245	Hoàng Phương	Anh	19/11/2002	QM11A	09					
3	000246	1101030470	Lưu Thị Phương	Anh	08/07/2005	QM11A	09					
4	000247	1101030471	Ngô Kim	Anh	01/09/2005	QM11A	09					
5	000248	1101031361	Ngô Thị Lan	Anh	01/09/2005	QM11A	09					
6	000249	1101031150	Nguyễn Tài Tuấn	Anh	05/11/2005	QM11A	09					
7	000250	1101030482	Phạm Quốc	Anh	27/09/2005	QM11A	09					
8	000251	1101030484	Phạm Tuấn	Anh	14/07/2005	QM11A	09					
9	000252	1101030486	Phạm Việt	Anh	24/11/2005	QM11A	09					HP,ĐK
10	000253	1101031155	Trần Đức	Anh	22/01/2005	QM11A	09					
11	000254	1101031156	Trịnh Xuân	Anh	18/08/2005	QM11A	09					
12	000255	1101030494	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	04/03/2005	QM11A	09					
13	000256	1101031157	Trương Thị Minh	Ánh	08/05/2005	QM11A	09					HP,ĐK
14	000257	1101030499	Nguyễn Ngọc	Bắc	05/09/2005	QM11A	09					HP,ĐK
15	000258	1101030501	Nguyễn Ngọc	Bích	10/09/2005	QM11A	09					
16	000259	1101030503	Nguyễn Thị Thanh	Bình	03/02/2005	QM11A	09					
17	000260	1101031387	Dương Hải	Đăng	20/12/2004	QM11A	09					
18	000261	1101030340	Vũ Tiến	Đạt	20/10/2005	QM11A	09					
19	000262	1101031175	Hà Thị Thùy	Duyên	30/07/2005	QM11A	09					
20	000263	1101030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/11/2005	QM11A	09					
21	000264	1101030533	Nguyễn Thu	Giang	31/12/2005	QM11A	09					HP,ĐK
22	000265	1101031179	Đỗ Hoàng	Hà	31/07/2005	QM11A	09					
23	000266	1101031369	Nguyễn Hữu	Hải	13/06/2005	QM11A	09					
24	000267	1101030540	Đào Lệ	Hằng	05/04/2005	QM11A	09					
25	000268	1101030544	Lê Thị Thu	Hiền	08/07/2005	QM11A	09					
26	000269	1101031185	Nguyễn Thu	Hiền	09/07/2005	QM11A	09					
27	000270	1101030549	Quách Văn	Hiệp	04/11/2005	QM11A	09					
28	000271	1101030550	Trần Minh	Hiếu	17/09/2005	QM11A	09					
29	000272	1101030551	Nguyễn Phương	Hoa	24/04/2005	QM11A	09					
30	000273	1101030554	Hồ Thị	Hồng	07/07/2005	QM11A	09					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 10
Giảng đường: H2.3_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000274	0901030960	Lê Thị Thanh	Trúc	14/12/2003	QM11A	09					HP,ĐK
2	000275	1001030471	Lê Thị Kim	Anh	17/07/2002	QM11A	10					
3	000276	1101031191	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QM11A	10					
4	000277	1101030577	Đặng Ngọc	Khánh	07/12/2005	QM11A	10					
5	000278	1101030585	Lê Mai	Lan	20/09/2005	QM11A	10					
6	000279	1101030591	Đỗ Khánh	Linh	20/03/2005	QM11A	10					
7	000280	1101030596	Lê Thuỳ	Linh	04/09/2005	QM11A	10					
8	000281	1101030602	Nguyễn Thị Thùy	Linh	10/07/2005	QM11A	10					
9	000282	1101030604	Nguyễn Thùy	Linh	22/10/2005	QM11A	10					
10	000283	1101030611	Bùi Ngọc	Long	26/04/2005	QM11A	10					
11	000284	1101030615	Trần Thị Diệu	Ly	04/11/2005	QM11A	10					
12	000285	1101030623	Vũ Thị Thanh	Mai	01/04/2005	QM11A	10					
13	000286	1101031376	Phùng Đắc	Mạnh	11/09/2002	QM11A	10					
14	000287	1101030636	Ngô Thị Ngọc	Nga	09/01/2005	QM11A	10					
15	000288	1101030650	Bùi Thảo	Nguyên	09/10/2005	QM11A	10					
16	000289	1101031220	Tạ Thị Hồng	Nhung	16/08/2005	QM11A	10					
17	000290	1101030355	Lê Kiều	Oanh	07/09/2005	QM11A	10					
18	000291	1101030670	Lê Minh	Phương	04/08/2005	QM11A	10					
19	000292	1101030677	Nguyễn Anh	Quân	04/08/2005	QM11A	10					
20	000293	1101030679	Trần Đức	Quân	22/08/2005	QM11A	10					HP,ĐK
21	000294	1101030693	Nguyễn Trọng Chiến	Thắng	13/07/2005	QM11A	10					
22	000295	1101030704	Trần Thị Thu	Thảo	11/08/2005	QM11A	10					
23	000296	1101030898	Nguyễn Đức	Thịnh	18/11/2005	QM11A	10					
24	000297	1101030708	Nguyễn Thị Tâm	Thư	16/11/2005	QM11A	10					
25	000298	1101030710	Nguyễn Hương	Thúy	27/05/2005	QM11A	10					
26	000299	1101030715	Nguyễn Thị Thanh	Trà	01/09/2005	QM11A	10					
27	000300	1101030718	Bùi Thị Thùy	Trang	06/08/2005	QM11A	10					
28	000301	1101030736	Đoàn Khánh	Tùng	13/11/2005	QM11A	10					
29	000302	1101030737	Lương Khánh	Tùng	22/03/2005	QM11A	10					
30	000303	1101030757	Lê Hải	Yến	20/06/2005	QM11A	10					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 11
Giảng đường: A5_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000304	1101041424	Nguyễn Xuân	Bình	19/03/2005	CT11A	11					
2	000305	1101040373	Dương Đức	Hiếu	16/02/2005	CT11A	11					
3	000306	1101041088	Vũ Văn	Hùng	23/08/2004	CT11A	11					
4	000307	1101040374	Bùi Thị Lan	Hương	19/10/2005	CT11A	11					
5	000308	1101041090	Đào Chí	Kiên	22/10/2004	CT11A	11					
6	000309	1101040376	Vũ Thị Trà	My	21/10/2005	CT11A	11					
7	000310	1101040377	Hoàng Văn	Tài	22/09/2005	CT11A	11					
8	000311	1101040378	Ngô Mai	Thi	07/07/2005	CT11A	11					
9	000312	1101040380	Phạm Thị Đoan	Trang	03/02/2005	CT11A	11					
10	000313	1101040381	Nguyễn Phạm Quốc	Việt	23/06/2005	CT11A	11					
11	000314	1101060914	Hoàng Thị Minh	Anh	04/04/2005	KA11A	11					
12	000315	1101060336	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/10/2005	KA11A	11					
13	000316	1101060337	Hoàng Minh	Châu	27/10/2005	KA11A	11					
14	000317	1101060048	Phạm Phương	Chi	09/11/2005	KA11A	11					
15	000318	1101060338	Phạm Ngọc	Đại	09/03/2005	KA11A	11					
16	000319	1101060339	Nguyễn Thị Hồng	Đào	20/11/2005	KA11A	11					
17	000320	1101061075	Phùng Xuân Tấn	Dũng	15/02/2005	KA11A	11					
18	000321	1101061077	Trần Khánh	Duy	10/07/2005	KA11A	11					
19	000322	1101060345	Vũ Thị Thu	Hiền	06/06/2005	KA11A	11					
20	000323	1101060347	Nguyễn Hữu	Hoàng	21/06/2005	KA11A	11					
21	000324	1001060362	Trịnh Thiên	Hương	01/09/2004	KA11A	11					
22	000325	1101060350	Đỗ Thị	Lan	06/09/2005	KA11A	11					
23	000326	1101060351	Quyền Hồng	Lụa	03/11/2005	KA11A	11					
24	000327	1101061079	Đỗ Tuấn	Mạnh	01/05/2005	KA11A	11					
25	000328	1101061080	Ngô Bảo	Ngọc	04/11/2005	KA11A	11					
26	000329	1101061081	Nguyễn Bùi Bảo	Ngọc	22/12/2005	KA11A	11					
27	000330	1101060358	Chu Thanh	Thảo	24/01/2005	KA11A	11					
28	000331	1101060359	Nguyễn Thị	Thảo	13/08/2005	KA11A	11					
29	000332	1101060361	Bùi Thị Phương	Thùy	15/10/2005	KA11A	11					
30	000333	1101061043	Hoàng Thị Phương	Thùy	08/05/2005	KA11A	11					
31	000334	1101060363	Lê Thu	Trang	14/11/2005	KA11A	11					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 12
Giảng đường: A6_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000335	1101061350	Tạ Thị Minh	Trang	12/08/2005	KA11A	11					
2	000336	1101060907	Lê Quang	Tú	09/04/2005	KA11A	11					
3	000337	1101060367	Lê Nguyễn Anh	Tuấn	12/02/2005	KA11A	11					
4	000338	1101071116	Nguyễn Quỳnh Mai	Anh	12/10/2004	KL11A	12					
5	000339	1101070430	Nguyễn Phan Hải	Đăng	30/07/2005	KL11A	12					
6	000340	1101070432	Lê Thị Nhật	Dương	18/03/2005	KL11A	12					
7	000341	1101071425	Nguyễn Tùng	Dương	10/02/2005	KL11A	12					
8	000342	1101070438	Ninh Thị Thu	Huệ	28/12/2005	KL11A	12					
9	000343	1101070446	Nguyễn Hà	Mai	17/06/2005	KL11A	12					
10	000344	1101071130	Bùi Ngọc Quang	Minh	10/11/2005	KL11A	12					
11	000345	1101071135	Đỗ Thị Anh	Phương	23/10/2005	KL11A	12					
12	000346	1101070454	Vũ Thị Minh	Thu	10/10/2005	KL11A	12					
13	000347	1101071115	Nguyễn Gia Tuấn	Anh	13/12/2005	QL11A	12					
14	000348	1101071122	Lưu Thị	Hằng	19/03/2005	QL11A	12					
15	000349	1101070435	Đinh Trọng	Hiệp	11/02/2004	QL11A	12					
16	000350	1101070436	Nguyễn Ích	Hoàng	25/03/2005	QL11A	12					
17	000351	1101070440	Đào Ngọc	Huyền	22/08/2005	QL11A	12					
18	000352	1101071353	Đỗ Ngọc	Kiên	12/05/2005	QL11A	12					
19	000353	1101070449	Đàm Thị Quỳnh	Như	22/10/2005	QL11A	12					
20	000354	1101071136	Vũ Ngọc	Phương	12/08/2005	QL11A	12					
21	000355	1101070452	Đỗ Thị	Quỳnh	30/10/2004	QL11A	12					
22	000356	1101070702	Nguyễn Hương	Thảo	08/06/2005	QL11A	12					HP,ĐK
23	000357	1101070456	Lê Trọng	Thuận	06/09/2005	QL11A	12					
24	000358	1101070457	Trần Đức	Toàn	16/02/2005	QL11A	12					
25	000359	1101070458	Đỗ Thiên	Trang	01/05/2005	QL11A	12					
26	000360	1001070455	Trịnh Hữu	Tường	14/02/2004	QL11A	12					HP,ĐK
27	000361	1101070462	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	08/06/2005	QL11A	12					
28	000362	1101081436	Chu Thị Phương	Anh	18/06/2005	TM11A	13					
29	000363	1101081095	Nguyễn Trung	Anh	27/11/2005	TM11A	13					
30	000364	1101081405	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	25/02/2004	TM11A	13					
31	000365	1101080387	Nguyễn Tiến	Bộ	20/05/2005	TM11A	13					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 13
Giảng đường: A7_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000366	1101080510	Phạm Hải	Đăng	23/02/2005	TM11A	13					
2	000367	1101070433	Lý Thị Mai	Duyên	03/09/2005	TM11A	13					
3	000368	1101081101	Lều Ngọc	Hà	08/02/2005	TM11A	13					
4	000369	1101080394	Trần Thị Việt	Hà	22/08/2005	TM11A	13					
5	000370	1101080396	Nguyễn Minh	Hằng	02/07/2005	TM11A	13					
6	000371	1101080398	Đỗ Quốc	Hiếu	23/11/2005	TM11A	13					
7	000372	1101081104	Hoàng Thị	Huyền	22/07/2005	TM11A	13					
8	000373	1101080572	Nguyễn Ngọc	Huyền	15/11/2005	TM11A	13					
9	000374	1101080400	Trần Hoàng	Lan	22/07/2005	TM11A	13					
10	000375	1101080401	Bùi Hương	Linh	08/10/2005	TM11A	13					ĐK
11	000376	1101080403	Lê Thùy	Linh	06/12/2005	TM11A	13					
12	000377	1101080404	Nguyễn An Túc	Linh	26/04/2004	TM11A	13					
13	000378	1101081348	Nguyễn Ngọc	Linh	24/06/2004	TM11A	13					
14	000379	1101080405	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	28/08/2005	TM11A	13					
15	000380	1101080407	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/04/2005	TM11A	13					
16	000381	1101081106	Trần Thị Thùy	Linh	21/10/2005	TM11A	13					
17	000382	1101081107	Vũ Mạnh	Lương	22/08/2005	TM11A	13					HP
18	000383	1101080409	Hoàng Trung	Lưu	07/05/2004	TM11A	13					HP,ĐK
19	000384	1101080410	Tạ Thị	Lý	09/04/2005	TM11A	13					
20	000385	1101081108	Trần Thị Thanh	Mai	07/07/2005	TM11A	13					
21	000386	1101081111	Nguyễn Thanh	Quang	30/12/2004	TM11A	13					HP,ĐK
22	000387	1101080416	Nguyễn Thị Tố	Quyên	01/01/2005	TM11A	13					
23	000388	1101080417	Nguyễn Lê Nhật	Quỳnh	13/12/2005	TM11A	13					
24	000389	1001080416	Nguyễn Hồng	Thái	20/05/2004	TM11A	13					
25	000390	1101080419	Vũ Tiến	Thành	27/01/2005	TM11A	13					
26	000391	1101081435	Vũ Thị Thanh	Thùy	12/10/2005	TM11A	13					
27	000392	1101080421	Nguyễn Văn	Tới	30/10/2005	TM11A	13					
28	000393	1101080422	Nguyễn Hà	Trang	23/01/2002	TM11A	13					
29	000394	1101080423	Trần Thị Thu	Trang	10/06/2005	TM11A	13					
30	000395	1101080424	Nguyễn Đức	Trung	02/10/2005	TM11A	13					
31	000396	1101081406	Dương Minh	Tuấn	28/11/2005	TM11A	13					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 14
Giảng đường: A8_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000397	1101080758	Ngô Thị	Yến	09/09/2005	TM11A	13					
2	000398	1101020003	Đặng Phương	Anh	31/01/2005	KD11A	14					
3	000399	1101020913	Đỗ Vũ Quỳnh	Anh	23/11/2005	KD11A	14					
4	000400	1101020018	Nguyễn Nhật	Anh	26/08/2005	KD11A	14					
5	000401	1101020023	Nguyễn Thị Lan	Anh	11/01/2005	KD11A	14					
6	000402	1101020044	Phạm Thanh	Bình	19/01/2005	KD11A	14					
7	000403	1101020050	Đỗ Quyết	Chiến	15/06/2005	KD11A	14					
8	000404	1101020934	Phạm Thị Tuyết	Chinh	02/09/2005	KD11A	14					
9	000405	1101020064	Cầm Minh	Đức	13/12/2005	KD11A	14					
10	000406	1101020069	Nguyễn Thị Thùy	Dương	21/01/2003	KD11A	14					
11	000407	1101020944	Lê Thị	Duyên	05/04/2005	KD11A	14					
12	000408	1101020081	Cao Thị Thu	Hà	08/02/2005	KD11A	14					
13	000409	1101020393	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11A	14					
14	000410	1101020086	Tô Thu	Hà	18/03/2005	KD11A	14					
15	000411	1101020953	Mai Thị Thanh	Hằng	06/02/2005	KD11A	14					
16	000412	1101020095	Phan Thị	Hiến	05/10/2005	KD11A	14					
17	000413	1101020097	Nguyễn Thị	Hiền	08/11/2005	KD11A	14					
18	000414	1101020963	Vũ Thanh	Hoa	21/11/2005	KD11A	14					
19	000415	1101021358	Hoàng Phi	Hùng	17/07/2003	KD11A	14					
20	000416	1101020969	Nguyễn Lan	Hương	19/04/2005	KD11A	14					
21	000417	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD11A	14					HP,ĐK
22	000418	1101020115	Phùng Thị	Hưởng	07/05/2005	KD11A	14					
23	000419	1101020972	Đào Thị Thanh	Huyền	16/09/2005	KD11A	14					
24	000420	0810211730	Nguyễn Văn	Khải	18/10/2002	KD11A	14					
25	000421	1101020587	Nguyễn Thị Quỳnh	Liên	12/09/2005	KD11A	14					
26	000422	1101020153	Ngô Phương	Linh	23/01/2005	KD11A	14					
27	000423	1101020986	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/04/2005	KD11A	14					
28	000424	1101020158	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	26/01/2005	KD11A	15					
29	000425	1101021381	Phạm Thùy	Linh	03/10/2005	KD11A	15					
30	000426	1101020170	Nguyễn Minh	Loan	25/07/2005	KD11A	15					
31	000427	1101020621	Đỗ Thị Tuyết	Mai	26/11/2005	KD11A	15					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 15
Giảng đường: A11_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000428	1101020997	Trần Nguyễn Thảo	My	28/08/2005	KD11A	15					ĐK
2	000429	1101021006	Phạm Thị	Ngân	15/08/2003	KD11A	15					
3	000430	1101020206	Nguyễn Bích	Ngọc	03/10/2005	KD11A	15					
4	000431	1101021338	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	13/12/2005	KD11A	15					
5	000432	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD11A	15					
6	000433	1101020244	Thái Minh	Quân	09/02/2005	KD11A	15					
7	000434	1101021341	Lê Thị Như	Quỳnh	17/04/2005	KD11A	15					
8	000435	1101021031	Nguyễn Minh	Tâm	24/06/2005	KD11A	15					HP
9	000436	1101020262	Hoàng Minh	Thảo	27/09/2005	KD11A	15					HP
10	000437	1101020266	Nguyễn Phương	Thảo	11/02/2005	KD11A	15					
11	000438	1101020273	Đỗ Minh	Thư	14/03/2005	KD11A	15					
12	000439	1101020277	Phạm Thị	Thư	25/02/2005	KD11A	15					
13	000440	1101020284	Hoàng Thị	Thúy	03/11/2005	KD11A	15					
14	000441	1101021050	Đào Huyền	Trang	03/06/2005	KD11A	15					
15	000442	1101020299	Nguyễn Mai	Trang	26/03/2005	KD11A	15					
16	000443	1101020303	Nguyễn Thị Hà	Trang	28/10/2005	KD11A	15					
17	000444	1101021055	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/06/2005	KD11A	15					
18	000445	1101021059	Phương Thùy	Trang	30/07/2005	KD11A	15					
19	000446	1101021063	Nguyễn Duy	Tuân	03/05/2005	KD11A	15					
20	000447	1101020318	Cao Thị Thanh	Tuyền	12/06/2005	KD11A	15					
21	000448	1101020322	Nguyễn Thái	Vân	07/12/2005	KD11A	15					
22	000449	1101021070	Ngô Hải	Yến	04/01/2005	KD11A	15					
23	000450	0901020541	Nguyễn Ngọc	Diễm	24/10/2003	KD9H	15					
24	000451	1001020335	Đinh Quang	Vinh	11/02/2004	KD10E	16					
25	000452	1101020002	Bùi Quế	Anh	14/08/2005	KD11B	16					
26	000453	1101021260	Dương Phương	Anh	10/12/2005	KD11B	16					
27	000454	1101021343	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/09/2005	KD11B	16					
28	000455	1001020936	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/12/2004	KD11B	16					
29	000456	1101020027	Phạm Lan	Anh	16/04/2005	KD11B	16					
30	000457	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	16					
31	000458	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD11B	16					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 16
Giảng đường: A12_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000459	1101020058	Nguyễn Thị	Diễm	03/03/2005	KD11B	16					HP
2	000460	1101020065	Nguyễn Hữu	Đức	29/06/2005	KD11B	16					
3	000461	1101020070	Ninh Thị Thùy	Dương	25/05/2005	KD11B	16					
4	000462	1101020071	Phạm Thị Thùy	Dương	05/12/2005	KD11B	16					
5	000463	1101020073	Bùi Vũ Thùy	Giang	19/08/2005	KD11B	16					
6	000464	1101020535	Trần Thị Hương	Giang	02/01/2005	KD11B	16					
7	000465	1101020080	Vũ Thị	Giang	23/05/2005	KD11B	16					
8	000466	1101020087	Trần Thu	Hà	14/05/2005	KD11B	16					
9	000467	1101020100	Nguyễn Thị	Hoa	22/09/2005	KD11B	16					
10	000468	1101020562	Phùng Tuấn	Hùng	01/06/2005	KD11B	16					
11	000469	1101020968	Đỗ Thị Lan	Hương	12/03/2005	KD11B	16					
12	000470	1101020116	Đỗ Thanh	Huyền	10/10/2005	KD11B	16					
13	000471	1101021281	Nguyễn Thị Minh	Huyền	21/05/2005	KD11B	16					
14	000472	1101020132	Đỗ Ngọc	Lan	03/08/2005	KD11B	16					
15	000473	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	16					
16	000474	1101020149	Lương Thị Ngọc	Linh	22/08/2005	KD11B	16					
17	000475	1101020984	Nguyễn Khánh	Linh	20/03/2005	KD11B	16					
18	000476	1101020160	Nguyễn Thùy	Linh	17/12/2005	KD11B	16					
19	000477	1101020171	Nguyễn Thị Phương	Loan	03/07/2005	KD11B	16					
20	000478	1101021337	Phùng Thị Hải	Ly	24/03/2005	KD11B	16					
21	000479	1001020059	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/04/2004	KD11B	17					
22	000480	1101021336	Bùi Thanh	Mai	16/02/2005	KD11B	17					
23	000481	1101021349	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/02/2005	KD11B	17					
24	000482	1101020185	Nguyễn Tuyết	Mai	10/12/2005	KD11B	17					
25	000483	1101021000	Phạm Phương	Nam	08/11/2005	KD11B	17					
26	000484	1101020202	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	26/06/2005	KD11B	17					
27	000485	1101020413	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	19/03/2005	KD11B	17					ĐK
28	000486	1001021556	Chu Yến	Nhi	04/08/2004	KD11B	17					
29	000487	1101020878	Đỗ Trang	Nhung	10/06/2005	KD11B	17					
30	000488	1101020226	Nguyễn Cẩm	Nhung	02/11/2005	KD11B	17					
31	000489	1101020667	Lê Thanh	Phúc	03/05/2005	KD11B	17					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 17
Giảng đường: A13_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000490	1101020232	Bùi Thu	Phương	12/06/2005	KD11B	17					
2	000491	1101020241	Trần Thị Hoài	Phương	28/07/2005	KD11B	17					
3	000492	1101020251	Nguyễn Như	Quỳnh	02/05/2005	KD11B	17					
4	000493	1101020256	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	30/09/2005	KD11B	17					
5	000494	1101021033	Hoàng Thị Phương	Thảo	29/05/2005	KD11B	17					
6	000495	1101021396	Nguyễn Thị	Thảo	03/02/2005	KD11B	17					
7	000496	1101020271	Vũ Thị Ngọc	Thu	19/10/2005	KD11B	17					
8	000497	1101020278	Phạm Thị Minh	Thư	24/04/2005	KD11B	17					ĐK
9	000498	1101020285	Lê Thị Phương	Thùy	14/03/2005	KD11B	17					
10	000499	1101020290	Lê Thị Thuý	Tình	23/10/2005	KD11B	17					
11	000500	1101020300	Nguyễn Quỳnh	Trang	10/03/2005	KD11B	17					
12	000501	1101020305	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/07/2005	KD11B	17					
13	000502	1101020309	Trần Huyền	Trang	15/08/2005	KD11B	17					
14	000503	1101020315	Nguyễn Việt	Tuấn	20/01/2005	KD11B	17					
15	000504	1101021066	Phạm Ngọc	Vi	04/10/2004	KD11B	17					
16	000505	1101020748	Nguyễn Quang	Vinh	13/03/2004	KD11B	17					
17	000506	1101020331	Bùi Thị	Yến	11/01/2005	KD11B	17					
18	000507	1101021258	Đặng Trần Tuấn	Anh	20/01/2005	KD11C	18					
19	000508	1101020013	Hoàng Thị Lan	Anh	24/09/2005	KD11C	18					
20	000509	1101020014	Nghiêm Thị Quỳnh	Anh	15/06/2005	KD11C	18					
21	000510	1101020022	Nguyễn Thị Hải	Anh	02/06/2005	KD11C	18					
22	000511	1101020026	Phạm Hoàng Hà	Anh	08/07/2005	KD11C	18					
23	000512	1101020032	Trương Thị Mai	Anh	11/09/2005	KD11C	18					
24	000513	1101020034	Vũ Thị Hồng	Anh	10/09/2005	KD11C	18					
25	000514	1101020927	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/04/2005	KD11C	18					
26	000515	1101020039	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/05/2005	KD11C	18					
27	000516	1101020041	Phạm Ngọc	Ánh	30/08/2005	KD11C	18					
28	000517	1101021413	Đặng Thị Linh	Chi	04/01/2005	KD11C	18					
29	000518	1101020054	Nguyễn Thị Anh	Đào	02/01/2005	KD11C	18					
30	000519	1101020066	Nguyễn Thanh	Dung	31/12/2005	KD11C	18					
31	000520	1101020941	Trịnh Công	Dương	23/11/2005	KD11C	18					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 18
Giảng đường: A14_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000521	1101020075	Đào Thị Hương	Giang	21/07/2005	KD11C	18					
2	000522	1101020948	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2005	KD11C	18					
3	000523	1101020088	Trần Đình	Hải	09/03/2005	KD11C	18					
4	000524	1101020101	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/04/2005	KD11C	18					
5	000525	1101021342	Nguyễn Thanh	Hoài	19/08/2005	KD11C	18					
6	000526	1101020112	Nguyễn Thị Thanh	Hương	21/09/2005	KD11C	18					
7	000527	1101020126	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	13/04/2005	KD11C	18					
8	000528	1101021402	Nguyễn Thị	Lan	31/12/2005	KD11C	18					HP,ĐK
9	000529	1101020593	Đoàn Phương	Linh	09/10/2005	KD11C	18					
10	000530	1101021452	Nguyễn Hồng	Hạnh	05/11/2004	KD11C	19					ĐK
11	000531	1101020146	Lê Nguyễn Thùy	Linh	23/09/2005	KD11C	19					
12	000532	1101020162	Phạm Thùy	Linh	07/03/2005	KD11C	19					
13	000533	1101020164	Trần Phương	Linh	07/04/2005	KD11C	19					
14	000534	1101020165	Vũ Hà	Linh	30/07/2005	KD11C	19					
15	000535	1101020173	Trương Thị	Luyến	20/10/2005	KD11C	19					
16	000536	1101020198	Trương Quỳnh	Nga	19/06/2005	KD11C	19					
17	000537	1101020199	Lê Hồng	Ngân	11/07/2005	KD11C	19					
18	000538	1101020203	Bùi Thị	Ngọc	15/09/2005	KD11C	19					
19	000539	1101020208	Phạm Ánh	Ngọc	25/11/2005	KD11C	19					
20	000540	1101020216	Kiều Yến	Nhi	24/10/2005	KD11C	19					
21	000541	1101021016	Nguyễn Hồng	Nhung	29/05/2005	KD11C	19					
22	000542	1101021022	Chu Lan	Phương	05/07/2005	KD11C	19					
23	000543	1101021024	Trịnh Thu	Phương	08/11/2005	KD11C	19					
24	000544	1101020252	Nguyễn Thị	Quỳnh	29/04/2005	KD11C	19					
25	000545	1101020259	Bùi Thị Phương	Thanh	23/11/2005	KD11C	19					
26	000546	1101021034	Hoàng Thị Thu	Thảo	04/11/2005	KD11C	19					
27	000547	1101020267	Nguyễn Thị Thu	Thảo	30/09/2005	KD11C	19					
28	000548	1101020706	Cầm Văn	Thủ	25/01/2005	KD11C	19					
29	000549	1101020279	Lều Hồng	Thức	05/10/2005	KD11C	19					
30	000550	1101020286	Trần Phương	Thùy	20/01/2005	KD11C	19					
31	000551	1101020902	Đinh Thị Yến	Trang	29/01/2005	KD11C	19					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 19
Giảng đường: A17_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000552	1101020301	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/10/2005	KD11C	19					
2	000553	1101020310	Trần Thị Huyền	Trang	30/08/2005	KD11C	19					
3	000554	1101020317	Tô Anh	Tuấn	23/04/2004	KD11C	19					
4	000555	1101021067	Phạm Đức	Việt	22/08/2005	KD11C	19					
5	000556	1101020326	Nguyễn Hà	Vy	18/04/2005	KD11C	19					
6	000557	1101020005	Đào Ngọc	Anh	22/07/2005	KD11D	20					
7	000558	1101020012	Đồng Mai	Anh	01/05/2003	KD11D	20					
8	000559	1101020015	Ngô Hoàng	Anh	16/10/2005	KD11D	20					
9	000560	1101020024	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	30/01/2005	KD11D	20					
10	000561	1101020030	Trần Diệu	Anh	15/01/2005	KD11D	20					
11	000562	1101020035	Vũ Thị Phương	Anh	16/07/2005	KD11D	20					
12	000563	1101021328	Trần Quốc Việt	Bách	01/09/2002	KD11D	20					
13	000564	1101020511	Lộc Thành	Đạt	13/09/2005	KD11D	20					
14	000565	1101020067	Đào Thị Thùy	Dương	22/12/2005	KD11D	20					
15	000566	1101021346	Đặng Ngọc	Duy	11/11/2004	KD11D	20					HP
16	000567	1101020076	Phạm Thị Hương	Giang	10/02/2005	KD11D	20					
17	000568	1101021339	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11D	20					
18	000569	1101020809	Nguyễn Thu	Hà	14/01/2005	KD11D	20					
19	000570	1101020089	Trần Minh	Hải	12/10/2005	KD11D	20					
20	000571	1101020093	Phạm Thu	Hằng	23/09/2005	KD11D	20					
21	000572	1101021182	Nguyễn Như	Hanh	17/11/2005	KD11D	20					
22	000573	1101020096	Đinh Thúy	Hiền	21/05/2005	KD11D	20					
23	000574	1101020959	Bùi Công	Hiếu	08/04/2005	KD11D	20					
24	000575	1101021443	Phạm Đức	Hiếu	02/08/2000	KD11D	20					
25	000576	1101020962	Nguyễn Quỳnh	Hoa	19/04/2005	KD11D	20					
26	000577	1101020108	Đinh Thúy	Hồng	05/11/2005	KD11D	20					
27	000578	1101021329	Phạm Thu	Hường	18/08/2000	KD11D	20					
28	000579	1101020117	Đỗ Thị Khánh	Huyền	23/09/2005	KD11D	20					
29	000580	1101020121	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/04/2005	KD11D	20					
30	000581	1101021330	Nguyễn Thu	Huyền	01/10/2005	KD11D	20					
31	000582	1101020135	Nguyễn Ngọc	Lan	10/09/2005	KD11D	20					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 20
Giảng đường: A20_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000583	1101020141	Đặng Mạnh	Linh	11/07/2005	KD11D	20					
2	000584	1101020145	Hoàng Thị Thùy	Linh	11/12/2005	KD11D	20					
3	000585	1101020155	Nguyễn Thị Diệu	Linh	21/08/2005	KD11D	20					
4	000586	1101020167	Vũ Quang	Linh	29/07/2005	KD11D	20					
5	000587	1101020178	Trần Thị Vân	Ly	10/10/2005	KD11D	21					
6	000588	1101020181	Đặng Ngọc	Mai	11/07/2005	KD11D	21					
7	000589	1101020189	Trần Vũ Hồng	Minh	04/12/2005	KD11D	21					
8	000590	1101020190	Vũ Thị Nguyệt	Minh	11/10/2005	KD11D	21					
9	000591	1101021437	Đỗ Thị Thục	Mỹ	15/04/2005	KD11D	21					
10	000592	1101020196	Lê Thị	Nga	23/09/2005	KD11D	21					
11	000593	1101021011	Hoàng Thị Huyền	Ngọc	24/07/2005	KD11D	21					
12	000594	1101020209	Nguyễn Đình	Nguyên	08/09/2005	KD11D	21					
13	000595	1101020217	Nguyễn Ngọc	Nhi	15/05/2005	KD11D	21					
14	000596	1101020224	Nguyễn Thị	Như Ý	14/07/2005	KD11D	21					
15	000597	1101021017	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/04/2005	KD11D	21					
16	000598	1101020235	Lê Thị Thu	Phương	14/03/2005	KD11D	21					
17	000599	1101020247	Đào Diễm	Quỳnh	26/12/2005	KD11D	21					
18	000600	1101020253	Trần Thị Diệu	Quỳnh	28/07/2005	KD11D	21					
19	000601	1101021032	Đào Thị	Thanh	22/08/2005	KD11D	21					
20	000602	1101020263	Lê Thị	Thảo	17/10/2005	KD11D	21					
21	000603	1101021038	Nguyễn Thu	Thảo	29/05/2005	KD11D	21					
22	000604	1101021393	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/12/2005	KD11D	21					
23	000605	1101020281	Nguyễn Hoài	Thương	28/07/2005	KD11D	21					
24	000606	1101020287	Đặng Thanh	Thủy	04/08/2005	KD11D	21					HP
25	000607	1101020296	Lê Hà	Trang	24/11/2005	KD11D	21					
26	000608	1101020302	Nguyễn Quỳnh	Trang	31/07/2005	KD11D	21					HP,ĐK
27	000609	1101020311	Vũ Quang	Triển	08/10/2005	KD11D	21					
28	000610	1101021065	Phùng Phương	Uyên	01/01/2005	KD11D	21					
29	000611	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	21					
30	000612	1101021410	Đặng Thị	Yến	06/02/2003	KD11D	21					
31	000613	1101020333	Nguyễn Hải	Yến	29/06/2005	KD11D	21					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 21
Giảng đường: B2_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000614	0901020026	Phạm Thị Mai	Hoa	25/09/2003	KD9H	21					
2	000615	0901020078	Nguyễn Nhật	Minh	05/10/2002	KD9H	21					
3	000616	1101020004	Đặng Thị Ngọc	Anh	23/08/2005	KD11E	22					
4	000617	1101020008	Đỗ Thị Mai	Anh	08/10/2005	KD11E	22					
5	000618	1101020016	Nguyễn Diệp	Anh	17/09/2005	KD11E	22					
6	000619	1101020019	Nguyễn Phương	Anh	06/11/2005	KD11E	22					
7	000620	1101020025	Nguyễn Vân	Anh	01/12/2005	KD11E	22					
8	000621	1101020921	Trần Hoài	Anh	17/12/2005	KD11E	22					
9	000622	1101020925	Lê Minh	Ánh	07/05/2005	KD11E	22					
10	000623	1101020040	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/2005	KD11E	22					
11	000624	1101020043	Nguyễn Thanh	Bình	02/12/2005	KD11E	22					
12	000625	1101020053	Phùng Ngọc	Chúc	05/07/2005	KD11E	22					
13	000626	1001021433	Đinh Thành	Đạt	17/03/2004	KD11E	22					HP
14	000627	1101020059	Vương Thị	Diễn	19/08/2005	KD11E	22					
15	000628	1101020061	Nguyễn Thị	Diệp	17/03/2005	KD11E	22					
16	000629	1101021076	Lê Thùy	Dương	16/10/2005	KD11E	22					
17	000630	1101020072	Phạm Hải	Duy	22/11/2005	KD11E	22					
18	000631	1101020074	Đặng Trà	Giang	15/03/2005	KD11E	22					
19	000632	1101020077	Phạm Thị Hương	Giang	18/08/2005	KD11E	22					
20	000633	1101020084	Phạm Thị Hồng	Hà	01/03/2005	KD11E	22					
21	000634	1101020090	Lê Nguyễn Minh	Hằng	01/10/2005	KD11E	22					
22	000635	1101020957	Nguyễn Thị	Hảo	16/07/2005	KD11E	22					
23	000636	1101020103	Đặng Thị	Hoàn	26/10/2004	KD11E	22					
24	000637	1101020970	Nguyễn Thị	Hương	25/10/2005	KD11E	22					
25	000638	1101020114	Phạm Thúy	Hường	02/10/2005	KD11E	22					
26	000639	1101020122	Nguyễn Ngọc	Huyền	22/04/2005	KD11E	22					
27	000640	1101020129	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2005	KD11E	22					
28	000641	1101020976	Vũ Ngọc	Khánh	13/10/2005	KD11E	22					
29	000642	1101020138	Vũ Thị	Lan	28/02/2005	KD11E	22					
30	000643	1101020979	Cà Nhật Minh Ái	Lệ	01/08/2005	KD11E	22					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 22
Giảng đường: B4_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000644	1101020148	Lương Hải Khánh	Linh	02/09/2005	KD11E	22					
2	000645	1101020156	Nguyễn Thị Hải	Linh	28/08/2005	KD11E	22					
3	000646	1101020989	Vũ Thị Diệu	Linh	19/05/2005	KD11E	22					HP,ĐK
4	000647	1001020101	Nguyễn Trà	Giang	26/02/2004	KD11E	23					
5	000648	1101020169	Đinh Thị Ngọc	Loan	03/08/2005	KD11E	23					
6	000649	1101020175	Nguyễn Cẩm	Ly	01/07/2005	KD11E	23					
7	000650	1101030618	Vương Thị Diệu	Ly	11/12/2005	KD11E	23					
8	000651	1101020182	Đỗ Ngọc	Mai	17/08/2005	KD11E	23					
9	000652	1101020995	Khổng Xuân	Mơ	10/05/2005	KD11E	23					
10	000653	1101021291	Nguyễn Thị	Nga	05/02/2004	KD11E	23					
11	000654	1101021132	Nguyễn Thị Thúy	Nga	14/01/2005	KD11E	23					
12	000655	1101020205	Đỗ Lê Hoàng	Ngọc	19/02/2005	KD11E	23					
13	000656	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	23					
14	000657	1101020210	Nguyễn Thị	Nguyên	09/02/2005	KD11E	23					
15	000658	1101020218	Nguyễn Thị Yến	Nhi	26/10/2005	KD11E	23					
16	000659	1101021364	Phạm Hồng	Nhung	03/08/2005	KD11E	23					
17	000660	1101020240	Phan Thị	Phương	03/05/2005	KD11E	23					
18	000661	1101020249	Đỗ Thị Như	Quỳnh	22/04/2005	KD11E	23					
19	000662	1101020254	Vũ Thị	Quỳnh	17/02/2005	KD11E	23					
20	000663	1101020260	Trương Kiều	Thanh	26/03/2005	KD11E	23					
21	000664	1101020264	Nguyễn Phương	Thảo	11/10/2005	KD11E	23					
22	000665	1101020268	Nguyễn Vi	Thảo	10/01/2005	KD11E	23					
23	000666	1101020275	Lương Anh	Thư	01/07/2005	KD11E	23					
24	000667	1101020282	Nông Hạ	Thương	06/11/2005	KD11E	23					
25	000668	1101021046	Nguyễn Thủy	Tiên	11/11/2005	KD11E	23					
26	000669	1101021054	Nguyễn Thị	Trang	15/08/2005	KD11E	23					
27	000670	1101020308	Nguyễn Thùy	Trang	14/08/2005	KD11E	23					HP
28	000671	1101021335	Lê Minh	Tú	22/10/2004	KD11E	23					
29	000672	1101020316	Phạm Minh	Tuấn	08/09/2005	KD11E	23					
30	000673	1101020320	Đỗ Hồng	Vân	08/05/2005	KD11E	23					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 23
Giảng đường: B6_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000674	1101020325	Đỗ Quốc	Vương	24/09/2005	KD11E	23					
2	000675	1101021428	Triệu Thị Hà	Vy	24/10/2005	KD11E	23					
3	000676	1101020334	Phạm Tiểu	Yến	24/10/2005	KD11E	23					
4	000677	1101020011	Đỗ Vân	Anh	06/10/2005	KD11G	24					
5	000678	1101020017	Nguyễn Kim Hoàng	Anh	18/08/2005	KD11G	24					
6	000679	1101021352	Nguyễn Việt	Anh	26/04/2004	KD11G	24					ĐK
7	000680	1101020028	Phạm Phương	Anh	01/08/2005	KD11G	24					
8	000681	1101020487	Phùng Thùy	Anh	15/02/2005	KD11G	24					
9	000682	1101020777	Trần Thị Phương	Anh	28/07/2005	KD11G	24					
10	000683	1101020045	Phạm Thanh	Bình	11/11/2005	KD11G	24					
11	000684	1101020932	Đinh Thị	Châm	25/11/2005	KD11G	24					
12	000685	1101020056	Đoàn Khắc	Đạt	27/06/2005	KD11G	24					
13	000686	1101020062	Đỗ Thị Hồng	Doan	08/12/2005	KD11G	24					
14	000687	1101020063	Lại Quảng	Đông	04/08/2005	KD11G	24					
15	000688	1101020068	Nguyễn Tài	Dương	14/11/2005	KD11G	24					
16	000689	1101020943	Đỗ Thị Hồng	Duyên	22/02/2005	KD11G	24					
17	000690	1101020078	Phạm Thị Trà	Giang	08/04/2005	KD11G	24					
18	000691	1101020083	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/2005	KD11G	24					
19	000692	1101020085	Phùng Hải	Hà	22/06/2005	KD11G	24					
20	000693	1101020091	Lê Thị	Hằng	13/05/2005	KD11G	24					
21	000694	1101021334	Đinh Thu	Hiền	30/07/2005	KD11G	24					
22	000695	1101020109	Tô Ánh	Hồng	09/09/2005	KD11G	24					
23	000696	1101020568	Trần Quang	Huy	13/04/2005	KD11G	24					
24	000697	1101020123	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/07/2005	KD11G	24					
25	000698	1101020130	Phạm Thị	Khánh	01/11/2005	KD11G	24					
26	000699	1101020977	Trần Trung	Kiên	22/02/2005	KD11G	24					
27	000700	1101021205	Phạm Thị Ngọc	Lan	04/05/2005	KD11G	24					
28	000701	1101020139	Hoàng Thị	Lệ	21/01/2005	KD11G	24					
29	000702	1101020150	Lưu Thùy	Linh	02/01/2005	KD11G	24					
30	000703	1101020166	Vũ Nguyễn Thùy	Linh	12/08/2005	KD11G	24					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 24
Giảng đường: B10_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000704	1101020168	Vũ Thị Khánh	Linh	10/12/2005	KD11G	24					
2	000705	0901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD11G	25					
3	000706	1101021345	Đỗ Thị Thanh	Loan	03/12/2005	KD11G	25					
4	000707	1101020172	Phạm Thị	Loan	05/02/2005	KD11G	25					
5	000708	1101020179	Bùi Ngọc	Mai	18/02/2005	KD11G	25					
6	000709	1101020197	Phạm Thị	Nga	01/02/2003	KD11G	25					
7	000710	1101021333	Nguyễn Hoàn	Ngọc	07/08/2005	KD11G	25					
8	000711	1101020207	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/11/2005	KD11G	25					
9	000712	1101020212	Bùi Thị	Nguyệt	06/07/2005	KD11G	25					
10	000713	1101020221	Phạm Yến	Nhi	09/08/2005	KD11G	25					
11	000714	1101020658	Lương Tâm	Như	12/09/2004	KD11G	25					
12	000715	1101021019	Trần Hồng	Nhung	30/11/2005	KD11G	25					
13	000716	1101020229	Nguyễn Thị	Oanh	16/10/2005	KD11G	25					
14	000717	1101020236	Lý Thu	Phương	28/07/2005	KD11G	25					
15	000718	1101021025	Vương Thị	Phương	30/06/2005	KD11G	25					
16	000719	1101021029	Vũ Thị Như	Quỳnh	18/08/2005	KD11G	25					
17	000720	1101020258	Bùi Phương	Thanh	26/06/2005	KD11G	25					
18	000721	1101020894	Nguyễn Minh	Thành	14/02/2005	KD11G	25					
19	000722	1101020265	Nguyễn Phương	Thảo	27/07/2005	KD11G	25					
20	000723	1101020276	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/11/2005	KD11G	25					
21	000724	1101020364	Lê Tô	Trang	12/09/2005	KD11G	25					
22	000725	1101020297	Lục Hà	Trang	11/03/2005	KD11G	25					
23	000726	1101020304	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/2005	KD11G	25					
24	000727	1101021057	Nguyễn Thùy	Trang	28/10/2005	KD11G	25					
25	000728	1101021062	Lê Minh	Tuân	09/04/2005	KD11G	25					
26	000729	1101020313	Đinh Lê Anh	Tuấn	17/09/2005	KD11G	25					
27	000730	1101020321	Hoàng Thị Thanh	Vân	15/10/2005	KD11G	25					
28	000731	1101020328	Phạm Thanh	Xuân	22/09/2005	KD11G	25					
29	000732	1101020330	Đỗ Ngọc	Yên	01/10/2005	KD11G	25					
30	000733	1101020332	Đỗ Hải	Yến	23/08/2005	KD11G	25					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**